| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN NAM ĐÀN**<br>**TỈNH NGHỆ AN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **11**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17 - 5- 2018
V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM ĐÀN, TỈNH NGHỆ AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Lài.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Hà;

2. Bà Phạm Thị Kim Quy.

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Lê Thị Thu Trang -Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà*:** Ông Hoàng Minh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Đàn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2018 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXXST – HNGĐ, ngày 02 tháng 5 năm 2018; giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1986.

Địa chỉ cư trú: Xóm X, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

*2. Bị đơn*: Chị Trần Thị V, sinh năm 1988.

Địa chỉ cư trú: Xóm X, xã NT, huyện N, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 08/01/2018, bản tự khai, lời khai trong quá trình điều tra và tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn là chị Trần Thị V kết hôn ngày 05 tháng 4 năm 2010 tại UBND xã NT, huyện N, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 13 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng chưa quan tâm nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2011 đến nay, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau nữa.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa nên anh Nguyễn Văn T yêu cầu được ly hôn với chị Trần Thị V.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/4/2018 bị đơn chị Trần Thị V thống nhất lời khai của nguyên đơn về xác lập quan hệ hôn nhân. Theo chị V sau khi kết hôn anh T thường xuyên đánh đập ghen tuông vô cớ, vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Hai bên gia đình bên nội và bên ngoại đã hòa giải nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi. Khoảng tháng 02/2011 vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nay anh T yêu cầu ly hôn bị đơn đồng ý ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Trần Thị V đã được Tòa án tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp tiếp cận, giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, vì lý do công việc chị V đã có đơn xin vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa xét xử gửi đến Tòa án.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị V thống nhất khai: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung và các khoản nợ của vợ chồng: Anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 12/4/2018 và ngày 16/4/2018 Tòa án đã tiến hành xác minh về quan hệ hôn nhân và con chung giữa anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị V tại nơi cư trú của nguyên đơn và bị đơn. Kết quả xác minh xác định vợ chồng anh T chị V không chung sống với nhau từ năm 2011 đến nay. Anh T và chị V không có con chung.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Toà án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ tranh chấp; trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình thu thập chứng cứ, thủ tục tống đạt đảm bảo quyền lợi cho các đương sự. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã thực hiện theo đúng trình tự theo quy định từ điều 239 đến điều 260 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của Thư ký phiên tòa được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51; Điều 56 Luật Hôn

nhân và gia đình xử: Về tình cảm: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Trần Thị V. Về con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị V không có con chung. Về tài sản chung và các khoản nợ của vợ chồng: Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Trần Thị V có địa chỉ cư trú: Xóm X, xã NT, huyện N, tỉnh Nghệ An. Đây là tranh chấp Hôn nhân gia đình về "Ly hôn" thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn theo quy định khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa bị đơn chị Trần Thị V vắng mặt và đã có đơn đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án với sự vắng mặt của bị đơn là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị V có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình và có đăng ký kết hôn ngày05 tháng 4 năm 2010 tại UBND xã NT, huyện N, tỉnh Nghệ An nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng không tin tưởng, không tôn trọng nhau. Xét vợ chồng anh T chị V không chung sống với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc nhau từ tháng 2/2011 đến nay là vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T và chị V đều có nguyện vọng ly hôn. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn T được ly hôn với chị Trần Thị V.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị V đều thừa nhận: Vợ chồng không có con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và các khoản nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Nguyên đơn Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Xem xét đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nam Đàn tham gia phiên tòa về việc giải quyết toàn bộ vụ án là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị V.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003511 ngày 01 tháng 02 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Anh Nguyễn Văn T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

***Nơi nhận:***
- VKSND huyện Nam Đàn;
- Các đương sự
- Chi cục THADS huyện Nam Đàn;
- TAND tỉnh Nghệ An
- UBND xã NT, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An;
- UBND xã N, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An;
- Lưu HSVA; VPTA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
*(Đã ký)*

**Nguyễn Thị Lài**